

Số: /TM-TTYT
V/v mời báo giá trang phục Y tế mùa
hè cho nhân viên Y tế năm 2025

Cao Lộc, ngày tháng năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc đang chuẩn bị thực hiện gói thầu: Mua sắm trang phục Y tế mùa hè cho nhân viên Y tế của đơn vị. Trung tâm Y tế huyện Cao Lộc kính mời các đơn vị có đủ năng lực thực hiện cung cấp hàng hoá gửi bản báo giá để đơn vị tham khảo xây dựng dự toán và kế hoạch mua sắm.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Cao Lộc. Địa chỉ Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Hoàng Thị Hương, Trưởng phòng Tổ chức hành chính.
Điện thoại: 02053.861.481 – 0915.476.646
- Việc nộp báo giá có thể thực hiện theo hình thức gửi trực tiếp, qua đường bưu điện, thư điện tử (Email: tchcytecaoloc@gmail.com) hoặc bằng Fax. (Gửi kèm mẫu phụ lục báo giá).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 09 tháng 04 năm 2025 đến hết ngày 13 tháng 04 năm 2025.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 09 tháng 04 năm 2025.

Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục đề nghị báo giá: (Chi tiết tại yêu cầu báo giá kèm theo).
- Địa điểm vận chuyển, cung cấp: Trung tâm y tế huyện Cao Lộc; Địa chỉ Khối 6, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
- Thời gian dự kiến giao hàng: Khi nhận được dự trù của bên mua.
- Các thông tin khác (nếu có).

Trân trọng kính mời các quý công ty./.

Nơi nhận:

- Website đơn vị;
- Ban lãnh đạo;
- Phòng TC-KT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Chu Đình Quế

YÊU CẦU CHÀO GIÁ

(Kèm theo thư mời chào giá số / TM-TT YT ngày / 09 /2024 của Trung tâm Y tế Cao Lộc)

ST T	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy Cách	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Trang phục Bác sỹ mùa hè	Bộ	- Tiêu chuẩn vải: + Chất liệu: Vải lon TC màu trắng + Thành phần: $(65 \pm 1)\%$ Polyeste, $(35 \pm 1)\%$ Bông. + Khối lượng (g/m^2): 115 ± 2 + Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Doc: 548 ± 2; Ngang: 289 ± 2. + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Doc: $-1,0 \pm 0,1$; ngang: $-0,5 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Kiểu dáng may: + Áo: Màu trắng; Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, kích thước cổ áo phù hợp, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có đai ngang lưng, có in logo Bệnh viện trên ngực trái – giặt không phai logo. + Quần: Màu trắng; Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Quần chun đối với nữ, quần cạp đối với nam. + Mũ + khẩu trang: Theo màu sắc của áo	40		
2	Trang phục của Điều dưỡng, hộ sinh, y sỹ mùa hè	Bộ	- Tiêu chuẩn vải + Chất liệu: Vải lon TC màu trắng + Thành phần: $(65 \pm 1)\%$ Polyeste, $(35 \pm 1)\%$ Bông. + Khối lượng (g/m^2): 115 ± 2 + Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Doc: 548 ± 2; Ngang: 289 ± 2. + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Doc: $-1,0 \pm 0,1$; ngang: $-0,5 \pm 0,1$	163		

ST T	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy Cách	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
			+ Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Kiểu dáng may: + Áo: Màu trắng: Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, kích thước cổ áo phù hợp, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo quá hông 10cm, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, có đai ngang lưng, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm; Có in tên LOGO Bệnh viện trên ngực trái - giặt không phai logo + Quần: Màu trắng; Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Quần chun đối với nữ, quần cạp đối với nam. Hoặc Áo liền váy quy định tại khoản 3 Điều 5 Oxfordng tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế quy định về trang phục y tế. + Mũ + khẩu trang: Theo màu sắc của áo hoặc áo liền váy.			
3	Trang phục kỹ thuật viên mùa hè	Bộ	- Tiêu chuẩn vải: + Chất liệu: Vải lon TC màu trắng + Thành phần: (65 ± 1)% Polyeste, (35 ± 1)% Bông. + Khối lượng (g/m²): 115± 2 + Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Dọc: 548 ± 2; Ngang: 289 ± 2. + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,0± 0,1; ngang: -0,5± 0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Kiểu dáng may: + Áo: Màu trắng: Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kích thước cổ áo phù hợp, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, có đai ngang lưng, phía sau xẻ giữa tới ngang	07		

ST T	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy Cách	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
			mông; Có in tên LOGO Bệnh viện trên ngực trái - giặt không phai logo. + Quần: Màu trắng; Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Quần chun đối với nữ, quần cạp đối với nam. + Mũ + khẩu trang: Theo màu sắc của áo			
4	Trang phục Dược sỹ mùa hè	Bộ	- Tiêu chuẩn vải + Chất liệu: Vải lon TC màu trắng + Thành phần: $(65 \pm 1)\%$ Polyeste, $(35 \pm 1)\%$ Bông. + Khối lượng (g/m^2): 115 ± 2 + Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Doc: 548 ± 2; Ngang: 289 ± 2. + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-1,0 \pm 0,1$; ngang: $-0,5 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Kiểu dáng may: + Áo: Màu trắng; Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, kích thước cổ áo phù hợp, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, có đai ngang lưng, phía sau xẻ giữa tới ngang mông; Có in tên LOGO Bệnh viện trên ngực trái- giặt không phai logo. + Quần: Màu trắng; Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Quần chun đối với nữ, quần cạp đối với nam. + Mũ + khẩu trang: Theo màu sắc của áo	10		
5	Trang phục hộ lý mùa hè	Bộ	- Tiêu chuẩn vải: + Chất liệu: Vải xanh hòa bình + Thành phần: $(83 \pm 1)\%$ Polyeste, $(17 \pm 1)\%$ Visco. + Khối lượng (g/m^2): 118 ± 2 + Mật độ sợi tính bằng			

ST T	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy Cách	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
			sợi/10cm: Doc: 376 ± 2; Ngang: 312 ± 2. + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Doc: $-1,0 \pm 0,1$; ngang: $0 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 - Kiểu dáng may: + Áo: Màu xanh hòa bình; Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, kích thước cổ áo phù hợp, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo dưới hông 10cm; có đai ngang lưng phía sau, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái; Có in tên LOGO Bệnh viện trên ngực trái - giặt không phai logo. + Quần: Màu xanh hòa bình; Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Quần chun đối với nữ, quần cạp đối với nam. + Mũ + khẩu trang: Theo màu sắc của áo	6		
6	Trang phục nhân viên hành chính khối phòng chức năng	Bộ	* Quần nữ 1. Màu sắc: Xanh tím than. 2. Chất liệu vải: túyp xi +Thành phần: $(92 \pm 1)\%$ Polyeste, $(8 \pm 1)\%$ Spandex. + Khối lượng (g/m^2): 288 ± 2 +Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Doc: 886 ± 2; Ngang: 388 ± 2. +Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Doc: $-0,5 \pm 0,1$; ngang: $0 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 3. Kiểu dáng quần: Quần âu cơ bản. Quần kéo khóa trước, thân trước 2 túi chéo. 1. Màu sắc: xanh tím than. 2. Chất liệu vải: túyp xi +Thành phần: $(92 \pm 1)\%$ Polyeste, $(8 \pm 1)\%$ Spandex. + Khối lượng (g/m^2): 288 ± 2 +Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Doc: 886 ± 2; Ngang: 388 ± 2. +Thay đổi kích thước sau giặt và	28		

ST T	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy Cách	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
			làm khô (%): Dọc: $-0,5 \pm 0,1$; ngang: $0 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 3. Kiểu dáng: Túi chéo 2 bên, xẻ sau. Khóa sau lưng, kéo hết cặp. * Áo sơ mi nữ 1. Màu sắc: Trắng. 2. Chất liệu vải: vải kate + Thành phần: $(80 \pm 1)\%$ Polyeste, $(20 \pm 1)\%$ Visco. + Khối lượng (g/m^2): 116 ± 2 + Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Dọc: 370 ± 2; Ngang: 332 ± 2. + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-1,5 \pm 0,1$; ngang: $-0,5 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 3. Kiểu dáng áo: Áo somi dài tay/ngắn tay cơ bản, tay mangsec, Cổ đực, đầu chân cổ tròn, đầu lá cổ nhọn, kích thước cổ áo phù hợp, Hàng cúc mở áo chính giữa thân trước, Thân áo có chiết ly tạo eo. * Quần nam 1. Màu sắc: Xanh tím than 2. Chất liệu vải: tuýp xi + Thành phần: $(92 \pm 1)\%$ Polyeste, $(8 \pm 1)\%$ Spandex. + Khối lượng (g/m^2): 288 ± 2 + Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Dọc: 886 ± 2; Ngang: 388 ± 2. + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: $-0,5 \pm 0,1$; ngang: $0 \pm 0,1$ + Độ bền màu giặt (cấp): 3-5 3. Kiểu dáng quần: Quần âu cơ bản, Quần kéo khóa trước, thân trước 2 túi chéo, 1 túi hậu than sau * Áo sơ mi nam 1. Màu sắc: Trắng. 2. Chất liệu vải: Vải kate, +Thành phần: $(80 \pm 1)\%$ Polyeste, $(20 \pm 1)\%$ Visco.			

ST T	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy Cách	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
			+ Khối lượng (g/m ²): 116± 2 +Mật độ sợi tính bằng sợi/10cm: Doc: 370 ± 2; Ngang: 332 ± 2. + Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (%): Dọc: -1,5± 0,1; ngang: -0,5± 0,1 + Độ bền màu giặt (cấp): 4-5 3. Kiểu dáng áo: Áo sơmi dài tay/ngắn tay cơ bản, tay mangsec, Cổ Đức, đầu chân cổ tròn, đầu lá cổ nhọn, kích thước cổ áo phù hợp, Hàng cúc mở áo chính giữa thân trước, Thân áo có chiết ly tạo eo.			
	Cộng: 06 khoản					

